|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: /2019/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**NGHỊ ĐỊNH**

VỀ QUẢN LÝ, KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,*

*Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

1. **Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay tại Việt Nam, bao gồm: Nguyên tắc và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan đến quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; quy hoạch và thực hiện quy hoạch cảng hàng không, sân bay, trừ sân bay chuyên dùng; quản lý sử dụng đất tại cảng hàng không, sân bay, trừ sân bay chuyên dùng; mở, đóng cảng hàng không, sân bay, trừ sân bay chuyên dùng; cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay; cấp giấy phép kinh doanh cảng hàng không, sân bay, trừ sân bay chuyên dùng; quản lý hoạt động khai thác tại cảng hàng không, sân bay, trừ sân bay chuyên dùng; hoạt động kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay, trừ sân bay chuyên dùng.

2. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay tại Việt Nam.

1. **Giải thích từ ngữ**

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay là tổ chức được giao quản lý, khai thác hoặc cho thuê quyền khai thác hoặc được thuê quản lý, khai thác hoặc được chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác các công trình thuộc kết cấu hạ tầng sân bay theo quy định của pháp luật (trừ các công trình cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay do doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đầu tư) và được cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Kết cấu hạ tầng cảng hàng không bao gồm:

a) Kết cấu hạ tầng sân bay;

b) Công trình cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

c) Công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không, khẩn nguy sân bay;

d) Công trình hàng rào cảng hàng không; đường giao thông nội bộ ngoài sân bay; công trình cấp điện; công trình cấp, thoát nước; công trình chiếu sáng; công trình thông tin liên lạc; công trình bảo vệ môi trường;

đ) Công trình nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa;

e) Công trình cung cấp dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; dịch vụ kỹ thuật hàng không; dịch vụ suất ăn hàng không; dịch vụ xăng dầu hàng không.

3. Kết cấu hạ tầng sân bay bao gồm các công trình: Đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ và các công trình, khu phụ trợ của sân bay; phòng, chống cháy nổ; hàng rào sân bay; đường giao thông nội bộ trong sân bay; công trình bảo vệ môi trường và các công trình khác thuộc khu bay.

4. Khu bay là phần sân bay dùng cho tàu bay cất cánh, hạ cánh và lăn, bao gồm cả khu cất hạ cánh và các sân đỗ tàu bay.

5. Công trình phục vụ kinh doanh dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay bao gồm các hạng mục công trình chính và các hạng mục công trình khác có liên quan phục vụ mục đích kinh doanh dịch vụ hàng không và phi hàng không.

6. Hạng mục công trình chính là hạng mục công trình có quy mô, công năng quyết định đến mục tiêu đầu tư của dự án.

7. Người khai thác công trình là tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thuộc cảng hàng không, sân bay.

8. Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay bao gồm tài liệu khai thác sân bay và tài liệu khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

9. Đường giao thông nội bộ trong cảng hàng không là đường giao thông trong ranh giới cảng hàng không, bao gồm đường giao thông nội bộ trong sân bay và đường giao thông nội bộ ngoài sân bay nhưng không bao gồm đường giao thông do địa phương quản lý.

10. Dịch vụ khai thác nhà ga hành khách là hoạt động tổ chức vận hành nhà ga hành khách để phục vụ hành khách, các hãng hàng không và các tổ chức, cá nhân khác sử dụng nhà ga hành khách trong dây chuyền vận chuyển hàng không.

11. Dịch vụ khai thác khu bay là hoạt động tổ chức vận hành kết cấu hạ tầng sân bay để phục vụ hoạt động khai thác tàu bay trong dây chuyền vận chuyển hàng không.

12. Dịch vụ khai thác nhà ga hàng hóa, kho hàng hóa là hoạt động khai thác nhà ga hàng hóa và khai thác kho hàng hóa, trong đó:

a) Khai thác nhà ga hàng hóa hàng không là hoạt động tiếp nhận, lưu giữ, tổ chức thực hiện các thủ tục kiểm tra an ninh hàng không, kiểm tra giám sát hải quan theo quy định đối với hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không, nhà hàng hóa phải có vị trí tiếp giáp sân đỗ tàu bay, kết nối trực tiếp với sân đỗ tàu bay.

b) Khai thác kho hàng hóa hàng không là hoạt động tiếp nhận, lưu giữ, tổ chức thực hiện các thủ tục kiểm tra an ninh hàng không, kiểm tra giám sát hải quan theo quy định đối với hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không, kho hàng hóa hàng không có vị trí không tiếp giáp sân đỗ tàu bay, không kết nối trực tiếp với sân đỗ tàu bay.

13. Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không là hoạt động sản xuất hoặc cung ứng và vận chuyển đồ ăn, đồ uống, vật phẩm suất ăn lên tàu bay để phục vụ hành khách; lưu trữ đồ ăn, đồ uống, vật phẩm suất ăn.

14. Dịch vụ cung cấp xăng dầu hàng không là hoạt động lưu trữ, vận chuyển, tra nạp và hút nhiên liệu cho tàu bay.

15. Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất là các hoạt động thực hiện chức năng phục vụ hành khách; phục vụ hành lý, bưu gửi; phục vụ tàu bay trên sân đỗ, kiểm soát trọng tải, khai thác chuyến bay; và các hoạt động hỗ trợ khai thác tàu bay khác.

16. Dịch vụ kỹ thuật hàng không là các hoạt động sản xuất các phụ tùng, thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không.

17. Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không là các hoạt động sửa chữa và bảo dưỡng để đảm bảo các điều kiện kỹ thuật theo quy định của các phương tiện, thiết bị chuyên ngành hàng không.

1. **Nguyên tắc quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay**

1. Bảo đảm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; bảo đảm an ninh, an toàn hàng không. Bảo đảm phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không, sân bay; giữa các cơ quan, đơn vị hàng không dân dụng và quân sự liên quan đến sân bay dùng chung dân dụng và quân sự.

2. Tại một cảng hàng không, sân bay chỉ có một người khai thác cảng hàng không, sân bay.

3. Bảo đảm dây chuyền hoạt động cảng hàng không, sân bay thống nhất, đồng bộ, liên tục, hiệu quả. Bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, văn minh, lịch sự, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay. Bảo vệ trật tự và lợi ích công cộng, lợi ích của khách hàng; bảo vệ môi trường.

4. Bảo đảm sự phát triển đồng bộ hệ thống cảng hàng không, sân bay phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giao thông vận tải, quy hoạch cảng hàng không, sân bay chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng, địa phương, xu thế phát triển hàng không dân dụng quốc tế và đáp ứng nhu cầu phát triển vận tải hàng không của Việt Nam.

5. Trong trường hợp cần thiết vì mục đích quốc phòng, an ninh, tìm kiếm, cứu nạn, ứng phó thảm họa, thiên tai, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quyết định trưng dụng một phần hoặc toàn bộ kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay có bồi thường theo quy định của pháp luật.

6. Cảng hàng không, sân bay, công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay được thiết kế, khai thác theo tiêu chuẩn của ICAO, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và quy định của Nghị định này.

7. Cảng hàng không, sân bay phải có tài liệu khai thác sân bay, tài liệu khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay được phê duyệt, ban hành theo quy định.

8. Công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay phải được kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất và bảo trì để đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn thiết kế, tiêu chuẩn khai thác, tài liệu khai thác đã được ban hành.

1. **Trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không, sân bay**

1. Đảm bảo hệ thống nhân sự đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về nhân sự chủ chốt của người khai thác cảng hàng không, sân bay theo tiêu chuẩn do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.

2. Tổ chức quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không và chất lượng dịch vụ đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định; duy trì đủ điều kiện cấp giấy đăng ký, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

3. Chủ trì điều phối việc đảm bảo chất lượng dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay; ban hành và tổ chức thực hiện tài liệu khai thác sân bay; chủ trì phối hợp với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay lập phương án vận hành tàu bay trên đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay.

4. Quản lý, khai thác đồng bộ kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị của cảng hàng không, sân bay thuộc phạm vi được giao quản lý, khai thác và tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được nhà nước giao, cho thuê quyền khai thác hoặc được chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác theo quy định của pháp luật, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, tài liệu khai thác sân bay; duy trì điều kiện khai thác cảng hàng không, sân bay theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; phối hợp thực hiện nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh hoặc phòng, chống dịch bệnh tại cảng hàng không, sân bay.

5. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tại cảng hàng không, sân bay để triển khai mô hình phối hợp ra quyết định khai thác tại cảng hàng không, sân bay.

6. Ký hợp đồng giao kết theo quy định với doanh nghiệp được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tương ứng tại cảng hàng không, sân bay.

7. Xây dựng hệ thống hàng rào an ninh, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung gồm: đường giao thông nội cảng ngoài sân bay; công trình cấp điện; công trình cấp nước; công trình thoát nước; công trình viễn thông.

8. Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị của cảng hàng không, sân bay thuộc phạm vi quản lý và tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được nhà nước giao, cho thuê quyền khai thác hoặc được chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo đảm an ninh, an toàn hàng không.

1. **Trách nhiệm của người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân ba****y**

1. Lập, ban hành và tổ chức thực hiện tài liệu khai thác công trình, duy trì các điều kiện khai thác công trình; đảm bảo chất lượng dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay.

2.Quản lý, khai thác công trình thuộc phạm vi được giao quản lý, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, tài liệu khai thác có liên quan; bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không và chất lượng dịch vụ đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định; phối hợp thực hiện nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh hoặc phòng, chống dịch bệnh tại cảng hàng không, sân bay.

3. Bố trí vị trí làm việc cho các cơ quan quản lý nhà nước tại nhà ga hành khách, nhà ga hàng hoá theo quy trình, dây chuyền phục vụ nhà ga hành khách, ga hàng hoá.

1. **Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam**

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà chức trách hàng không đối với hoạt động tại cảng hàng không, sân bay theo quy định.

2. Triển khai và giám sát thực hiện quy hoạch cảng hàng không, sân bay được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Công bố cấp sân bay và thông số kỹ thuật của cảng hàng không, sân bay.

3. Chỉ đạo, triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay trong quá trình thi công, xây dựng công trình tại cảng hàng không, sân bay.

4. Giao nhiệm vụ sân bay dự bị cho cảng hàng không, sân bay; hướng dẫn việc lập tài liệu khai thác sân bay, tài liệu khai thác công trình tại cảng hàng không, sân bay.

5. Phối hợp với các cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng để hướng dẫn công tác bảo đảm an ninh, an toàn sân bay chuyên dùng; thực hiện quy chế phối hợp trong việc kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của sân bay chuyên dùng khi khai thác thương mại.

6. Chủ trì, phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không, sân bay. Công bố năng lực khai thác của cảng hàng không, sân bay; điều phối giờ hạ, cất cánh tại cảng hàng không, sân bay.

7. Chỉ đạo việc thiết lập, bảo vệ, duy trì chất lượng hệ thống thông tin bảo đảm hoạt động khai thác tại cảng hàng không, sân bay; việc nối mạng dữ liệu, phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không, sân bay. Quản lý số liệu thống kê về lưu lượng chuyến bay, hành khách, hàng hóa thông qua cảng hàng không, sân bay.

8. Chỉ đạo bố trí nơi làm việc cho các cơ quan quản lý nhà nước làm việc thường xuyên tại cảng hàng không, sân bay. Chỉ đạo, hướng dẫn Cảng vụ hàng không thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước tại cảng hàng không, sân bay.

9. Xây dựng, lưu trữ, cập nhật hệ thống tài liệu kỹ thuật phục vụ việc cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay và hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay, bao gồm các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, quy định của ICAO, tiêu chuẩn nước ngoài do Cục Hàng không Việt Nam công nhận hoặc áp dụng liên quan tới việc thiết kế, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng sân bay.

10. Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn khai thác sân bay và thông báo cho ICAO sự khác biệt giữa các quy định của pháp luật Việt Nam và tiêu chuẩn của ICAO; tổ chức và triển khai lực lượng giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay theo tiêu chuẩn do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định; chỉ đạo tổ chức và tiến hành kiểm tra, đánh giá việc duy trì điều kiện khai thác tại các cảng hàng không, sân bay tối thiểu 02 năm/lần đối với cảng hàng không quốc tế và 03 năm/lần đối với cảng hàng không nội địa.

11. Thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo đảm an ninh, an toàn hàng không, bảo vệ môi trường cảng hàng không, sân bay.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

1. **Trách nhiệm của Cảng vụ hàng không**

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

2. Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương xác định ranh giới, tổ chức cắm và bảo vệ mốc giới cảng hàng không, sân bay và mốc giới quy hoạch cảng hàng không, sân bay; xác định ranh giới khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, chính quyền địa phương thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo đảm an ninh, an toàn hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

4. Kiểm tra, giám sát trực tiếp việc cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay tục. Giám sát thực hiện quy hoạch cảng hàng không, sân bay được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Lưu trữ, cập nhật hệ thống tài liệu kỹ thuật phục vụ việc cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay và hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay, bao gồm các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, quy định của ICAO, tiêu chuẩn nước ngoài do Cục Hàng không Việt Nam công nhận hoặc áp dụng liên quan tới việc thiết kế, vận hành, bảo trì kết cấu hạ tầng sân bay.

6. Lập phương án, phân định trách nhiệm xây dựng, quản lý chung hàng rào ranh giới đất cảng hàng không, sân bay; giao trách nhiệm xây dựng, quản lý hàng rào ranh giới đất thuộc phạm vi quản lý của các đơn vị, doanh nghiệp tại cảng hàng không, sân bay.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo nhiệm vụ được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao.

1. **Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp nơi có cảng hàng không, sân bay**

1. Phối hợp thực hiện quy hoạch, xác định ranh giới, mốc giới, tổ chức cắm và bảo vệ mốc giới cảng hàng không, sân bay; xác định ranh giới khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay; cấp giấy phép xây dựng công trình tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về xây dựng; phê duyệt quy hoạch và cấp phép các công trình quảng cáo theo quy định của pháp luật về quảng cáo.

2. Bảo đảm quỹ đất, giải phóng mặt bằng để phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quy hoạch, quản lý sử dụng đất, bảo đảm an ninh, an toàn hàng không tại khu vực lân cận của cảng hàng không, sân bay. Chủ trì xử lý vi phạm trật tự xây dựng, lấn chiếm đất đai, sử dụng đất không phép tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật. Phối hợp thực hiện công tác khẩn nguy sân bay, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật.

4. Xử lý vi phạm về an ninh, an toàn hàng không tại khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay. Chủ trì, phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc cưỡng chế thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng theo quy định.

5. Thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo đảm an ninh, an toàn hàng không.

**Chương II**

**QUY HOẠCH VÀ THỰC HIỆN QUY HOẠCH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY, TRỪ SÂN BAY CHUYÊN DÙNG**

1. **Quy định chung về hệ thống quy hoạch cảng hàng không, sân bay**

1. Yêu cầu về hệ thống quy hoạch cảng hàng không, sân bay

a) Phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực hoặc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của vùng, địa phương;

b) Đáp ứng yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh;

c) Đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành hàng không Việt Nam, phù hợp với xu thế phát triển hàng không dân dụng quốc tế;

d) Bảo đảm các yếu tố về địa lý, dân số, phát triển vùng, miền; chính sách sử dụng đất nông nghiệp; bảo vệ môi trường bền vững;

đ) Bảo đảm khai thác an toàn, hiệu quả cảng hàng không, sân bay;

e) Quy hoạch cảng hàng không, sân bay phải đảm bảo đủ điều kiện để cấp giấy phép xây dựng công trình theo quy định.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với việc lập, công bố quy hoạch cảng hàng không, sân bay do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

3. Thời kỳ quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc được xác định theo hệ thống quy hoạch quốc gia. Thời kỳ quy hoạch cảng hàng không, sân bay là 10 năm đến 15 năm; tầm nhìn quy hoạch cảng hàng không, sân bay được lấy theo tầm nhìn của quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc.

4. Thời gian lập đồ án quy hoạch cảng hàng không, sân bay không quá 09 tháng.

1. **Lập và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc**

1. Nội dung nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Căn cứ lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch: xác định rõ các căn cứ pháp lý để lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc; sự cần thiết, tính cấp bách và ý nghĩa thực tiễn của quy hoạch;

b) Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch, bao gồm: luận cứ, cơ sở hình thành phạm vi, mục tiêu, định hướng phát triển và thời hạn quy hoạch; khái quát dự báo nhu cầu vận chuyển hàng không, nhu cầu phát triển của các ngành có liên quan, kinh, tế xã hội của cả nước; các yêu cầu trong thu thập số liệu, phân tích, đánh giá hiện trạng và định hướng phát triển giao thông vận tải lĩnh vực hàng không dân dụng; yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược; xác định tính chất, vai trò cảng hàng không, sân bay; định hướng công suất cảng hàng không, cấp sân bay, loại tàu bay dự kiến khai thác, số lượng đường cất hạ cánh, phương thức tiếp cận hạ cánh, quy mô sử dụng đất dự kiến; xác định danh mục, số lượng hồ sơ, sản phẩm; xác định giải pháp, tiến độ và tổ chức thực hiện;

c) Chi phí lập quy hoạch, bao gồm: xác định dự toán, nguồn kinh phí lập quy hoạch;

d) Thời hạn lập quy hoạch, bao gồm: xác định thời hạn của quy hoạch, thời hạn định hướng của quy hoạch;

đ) Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc tổ chức lập quy hoạch, bao gồm: trách nhiệm của cơ quan được giao nhiệm vụ lập quy hoạch, trách nhiệm cơ quan thẩm định và trách nhiệm cơ quan phê duyệt;

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm tổ chức lập và trình Bộ Giao thông vận tải xem xét để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc.

3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan, hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc. Trường hợp từ chối, Bộ Giao thông vận tải có văn bản thông báo cho Cục Hàng không Việt Nam và nêu rõ lý do.

1. **Lập và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch cảng hàng không, sân bay**

1. Nội dung nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Luận cứ phạm vi, ranh giới lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay; cơ sở căn cứ lập quy hoạch; xác định mục tiêu, nhiệm vụ của quy hoạch;

b) Xác định tính chất, vai trò cảng hàng không, sân bay. Dự báo sơ bộ tính chất, quy mô cảng hàng không, sân bay cùng các chỉ tiêu cơ bản về đất đai và hạ tầng kỹ thuật;

c) Xác định yêu cầu và khảo sát, đánh giá hiện trạng, điều kiện tự nhiên, điều kiện địa hình của khu vực để lựa chọn hướng đường cất hạ cánh và xây dựng phương thức bay; phạm vi, khối lượng khảo sát khu vực dự kiến quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

d) Xác định các yêu cầu về phân khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật đối với từng khu chức năng của cảng hàng không, sân bay;

đ) Yêu cầu đánh giá môi trường chiến lược và các yêu cầu khác phù hợp với mục tiêu phát triển của cảng hàng không, sân bay;

e) Xác định danh mục, số lượng hồ sơ, sản phẩm, tiến độ và tổ chức thực hiện;

g) Xác định tổng dự toán, nguồn kinh phí lập quy hoạch.

2. Cục Hàng không Việt Nam lập và trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch cảng hàng không, sân bay.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch cảng hàng không, sân bay. Trường hợp từ chối, Bộ Giao thông vận tải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

1. **Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc**

1. Nội dung quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc tuân thủ quy định sau:

a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc, trong đó làm rõ các nội dung gồm: hiện trạng hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc; những ưu thế, hạn chế của hệ thống cảng hàng không, sân bay và từng cảng hàng không, sân bay hiện hữu; khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành hàng không dân dụng;

b) Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc trong thời kỳ quy hoạch, trong đó làm rõ các nội dung gồm: dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển của ngành hàng không dân dụng trên thế giới; dự báo xu thế phát triển và kịch bản phát triển của ngành hàng không dân dụng Việt Nam trên cơ sở dự báo xu thế phát triển ngành hàng không dân dụng trên thế giới và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của cả nước, khu vực vùng, miền; dự báo nhu cầu vận chuyển hàng không dân dụng;

c) Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với ngành; những cơ hội và thách thức phát triển của hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc, trong đó làm rõ các nội dung gồm: đánh giá về liên kết giữa hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc với các ngành giao thông khác và với quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phát triển kinh tế vùng, địa phương; xác định yêu cầu của phát triển đối với hệ thống cảng hàng không, sân bay về quy mô, công nghệ và địa bàn phân bố; những cơ hội và thách thức phát triển liên quan đến công nghệ, kỹ thuật, vận hành khai thác;

d) Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển của hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc, trong đó làm rõ các nội dung gồm: mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc;

đ) Phương án phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ, trong đó làm rõ các nội dung gồm: xác định tính chất, vai trò cảng hàng không, sân bay, định hướng mạng đường bay, công suất cảng hàng không, cấp sân bay, loại tàu bay dự kiến khai thác, số lượng đường cất hạ cánh, phương thức tiếp cận hạ cánh; xác định các vấn đề cần xử lý về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia;

e) Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia; bao gồm tổng diện tích đất dự kiến của từng cảng hàng không chiếm dụng trên địa bàn cả nước, vùng và tỉnh; xác định cụ thể các giải pháp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia;

g) Danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc và thứ tự ưu tiên thực hiện, trong đó làm rõ các nội dung gồm: đề xuất danh mục các cảng hàng không ưu tiên đầu tư xây dựng, xác định thứ tự ưu tiên;

h) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch, trong đó làm rõ các nội dung gồm: uớc toán chi phí đầu tư, đề xuất các giải pháp cụ thể cho từng nhóm cảng hàng không hoặc từng cảng hàng không kèm nguồn lực cụ thể.

2. Tỉ lệ bản đồ quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc là 1/1.000.000 hoặc lớn hơn.

3. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc trình Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đề nghị phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay bao gồm các tài liệu sau:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch;

b) Hồ sơ quy hoạch, bao gồm thuyết minh quy hoạch, báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và các bản vẽ có liên quan;

c) Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan;

d) Văn bản giải trình các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan.

5. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân của địa phương và cơ quan, tổ chức, cộng đồng có liên quan về quy hoạch, hoàn thiện hồ sơ và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

6. Việc lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp của địa phương liên quan và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải.

7. Việc lấy ý kiến cộng đồng về quy hoạch được thực hiện bằng hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải, niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng, phát phiếu Điều tra phỏng vấn, tổ chức hội nghị, hội thảo và các hình thức khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn nơi có quy hoạch cảng hàng không, sân bay.

8. Ý kiến đóng góp phải được nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm công bố, công khai ý kiến đóng góp và việc tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp.

1. **Quy hoạch cảng hàng không, sân bay**

1. Quy hoạch cảng hàng không, sân bay, gồm các nội dung sau:

a) Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng đất xây dựng, dân cư, hạ tầng kỹ thuật, địa hình; đánh giá các dự án, các quy hoạch đã và đang triển khai trong khu vực;

b) Xác định quy mô cảng hàng không, chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch;

c) Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: xác định vị trí và ranh giới các khu chức năng trong khu vực quy hoạch; xác định chỉ tiêu sử dụng đất về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình đối với từng lô đất; khoảng lùi công trình đối với các trục đường; vị trí, quy mô các công trình ngầm (nếu có); xác định cốt xây dựng đối với từng lô đất;

d) Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung: hệ thống hạ tầng kỹ thuật được bố trí đến mạng lưới đường nội bộ của cảng hàng không, bao gồm các nội dung sau:

- Xác định mạng lưới đường giao thông nội bộ ngoài sân bay, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng;

- Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô công trình nhà máy, trạm bơm nước; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật chi tiết;

- Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối, trạm khí đốt; mạng lưới đường dẫn và chiếu sáng;

- Xác định nhu cầu sử dụng và mạng lưới thoát nước chung;

- Xác định nhu cầu và mạng lưới hạ tầng viễn thông chung.

đ) Vị trí, quy mô hệ thống các hạng mục công trình khu bay; hướng đường cất hạ cánh;

e) Vị trí, hệ thống các hạng mục công trình bảo đảm hoạt động bay;

g) Vị trí, quy mô các công trình cung cấp dịch vụ hàng không trong từng khu chức năng gồm: nhà ga hành khách; nhà ga hàng hóa; cơ sở cung cấp xăng dầu hàng không; cơ sở kỹ thuật thương mại mặt đất; cơ sở cung cấp suất ăn hàng không; cơ sở tập kết, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; trạm cấp nhiên liệu cho phương tiện, thiết bị hàng không; trạm kiểm định phương tiện, thiết bị hàng không; cơ sở kỹ thuật hàng không; công trình bảo đảm an ninh hàng không; công trình xử lý nước thải, chất thải rắn; công trình viễn thông; vị trí và quy mô các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có).

h) Vị trí, quy mô các công trình dịch vụ phi hàng không, công trình khác gồm: khu vực xây dựng trụ sở các cơ quan, đơn vị hoạt động tại cảng hàng không, sân bay; khu vực cách ly y tế đối với cảng hàng không quốc tế;

i) Vị trí, quy mô hệ thống khẩn nguy, cứu nạn;

k) Quy hoạch vùng trời, đường bay và phương thức bay phục vụ khai thác sân bay;

l) Quy hoạch cây xanh;

m) Bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không, bản đồ tiếng ồn; khu vực vùng ảnh hưởng hoạt động đèn laze;

n) Đánh giá môi trường chiến lược;

- Xác định các vấn đề môi trường chính tại khu vực lập quy hoạch;

- Đánh giá diễn biến môi trường trong quá trình lập và thực hiện quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

- Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện; đề xuất các khu vực cách ly, bảo vệ môi trường cho các khu vực chức năng của cảng hàng không, sân bay.

o) Bản đồ cắm mốc giới theo quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

p) Tổng khái toán đầu tư và phân kỳ xây dựng.

2. Tỷ lệ bản đồ trong quy hoạch cảng hàng không, sân bay

a) Bản đồ quy hoạch cảng hàng không, sân bay tại điểm d khoản 1 Điều này được lập trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500;

b) Bản đồ quy hoạch cảng hàng không, sân bay tại điểm k, điểm m khoản 1 Điều này được lập trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/100.000 hoặc lớn hơn;

c) Bản đồ quy hoạch cảng hàng không, sân bay còn lại được lập trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000;

c) Tỉ lệ bản đồ quy hoạch cảng hàng không, sân bay được lựa chọn phù hợp để thể hiện đầy đủ phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay.

3. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch cảng hàng không, sân bay, trình Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đề nghị phê duyệt quy hoạch cảng hàng không, sân bay bao gồm các tài liệu sau:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch;

b) Hồ sơ quy hoạch, bao gồm thuyết minh quy hoạch và các bản vẽ có liên quan;

c) Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan;

d) Văn bản giải trình các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan;

đ) Số lượng bộ hồ sơ: 15 bộ.

4. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cộng đồng có liên quan, thành lập hội đồng thẩm định và tiến hành thẩm định, phê duyệt quy hoạch cảng hàng không, sân bay.

5. Việc lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải.

6. Việc lấy ý kiến cộng đồng về quy hoạch được thực hiện bằng một trong các hình thức gồm: đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải, niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng, phát phiếu Điều tra phỏng vấn, tổ chức hội nghị, hội thảo và các hình thức khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn nơi có quy hoạch cảng hàng không, sân bay.

7. Ý kiến đóng góp phải được nghiên cứu, tiếp thu, giải trình. Bộ Giao thông vận tải gửi các ý kiến góp ý đến cơ quan lập quy hoạch. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét các nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trước khi Bộ Giao thông vận tải thành lập Hội đồng thẩm định. Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch công bố, công khai ý kiến đóng góp và việc tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp.

8. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng tổ chức lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư theo tỷ lệ 1/500 và trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch;

b) Hồ sơ quy hoạch, bao gồm thuyết minh quy hoạch và các bản vẽ có liên quan;

c) Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan;

d) Văn bản giải trình các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan;

đ) Số lượng bộ hồ sơ: 10 bộ.

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, thẩm định và phê duyệt quy hoạch cảng hàng không, sân bay trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư tỷ lệ 1/500. Trường hợp từ chối, Bộ Giao thông vận tải nêu rõ lý do.

1. **Hội đồng thẩm định quy hoạch**

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch cảng hàng không, sân bay bao gồm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch là Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải. Thành viên của Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương và tổ chức, cá nhân khác. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định.

2. Hội đồng thẩm định hồ sơ quy hoạch cảng hàng không, sân bay làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch theo nhiệm vụ được giao. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định quy hoạch có thể lựa chọn tư vấn phản biện độc lập. Tư vấn phản biện độc lập phải đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định của pháp luật có liên quan.

1. **Công bố quy hoạch và quản lý quy hoạch**

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được phê duyệt, Bộ Giao thông vận tải tổ chức công bố quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được phê duyệt, Bộ Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức công bố quy hoạch cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được phê duyệt, Cục Hàng không Việt Nam phối hợp với chính quyền địa phương hoàn thành việc cắm mốc giới ranh giới quy hoạch cảng hàng không, sân bay.

1. **Hình thức công bố quy hoạch**

1. Việc công bố quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc được thực hiện theo quy định về công bố quy hoạch ngành quốc gia.

2. Việc công bố quy hoạch cảng hàng không, sân bay được thực hiện theo đăng tải thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức lập quy hoạch.

3. Ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, quy hoạch cảng hàng không, sân bay còn có thể được công bố theo các hình thức sau đây:

a) Thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng;

b) Trưng bày mô hình, hệ thống sơ đồ, bản đồ, hệ thống cơ sở dữ liệu về quy hoạch;

c) Tổ chức hội nghị, hội thảo;

d) Phát hành ấn phẩm.

1. **Lưu trữ hồ sơ quy hoạch**

1. Hồ sơ quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc, quy hoạch cảng hàng không, sân bay, quy hoạch cảng hàng không, sân bay được lưu trữ bao gồm:

a) Hồ sơ quy hoạch được duyệt;

b) Văn bản, quyết định phê duyệt quy hoạch;

đ) Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Việc lưu trữ hồ sơ quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

1. **Kinh phí lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch cảng hàng không, sân bay**

1. Kinh phí lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch cảng hàng không, sân bay được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước được tài trợ bằng sản phẩm là hồ sơ quy hoạch cảng hàng không, sân bay. Bộ Giao thông vận tải quyết định việc nhận tài trợ bằng sản phẩm là hồ sơ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch cảng hàng không, sân bay trên nguyên tắc:

a) Nội dung nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch cảng hàng không, sân bay đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này;

b) Nội dung quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch cảng hàng không, sân bay đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị định này;

c) Bộ Giao thông vận tải phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch và hồ sơ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Nghị định này.

1. **Quản lý mốc giới, hàng rào cảng hàng không, sân bay**

1. Mốc giới cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Mốc giới quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

b) Mốc giới ranh giới hiện hữu cảng hàng không, sân bay.

2. Mốc giới quy hoạch cảng hàng không, sân bay được xác định trong hồ sơ quy hoạch cảng hàng không, sân bay được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cục Hàng không Việt Nam phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp nơi có cảng hàng không, sân bay để xác định ranh giới, mốc giới quy hoạch cảng hàng không, sân bay trên bản đồ và ngoài thực địa.

3. Cảng vụ hàng không phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp nơi có cảng hàng không, sân bay để xác định mốc giới ranh giới hiện hữu cảng hàng không, sân bay trên bản đồ và ngoài thực địa.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Cảng vụ hàng không công bố, bảo vệ mốc giới quy hoạch cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay.

5. Người khai thác cảng hàng không, sân bay và các đơn vị được giao đất, thuê đất có trách nhiệm quản lý, bảo vệ mốc giới, xây dựng và quản lý, bảo trì hàng rào nằm trong ranh giới đất được giao, được thuê theo quy định.

6. Chi phí xác định, đánh dấu, cắm mốc và quản lý mốc giới cảng hàng không, sân bay được thực hiện từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

**Chương III**

**QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY, TRỪ SÂN BAY CHUYÊN DÙNG**

1. **Quy định chung về giao đất, cho thuê đất tại cảng hàng không, sân bay**

1. Cảng vụ hàng không được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao đất không thu tiền sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 118 và Điều 156 Luật Đất đai, trừ các dự án tại cảng hàng không, sân bay thực hiện theo hình thức hợp đồng đối tác công tư đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cảng vụ hàng không giao đất, cho thuê đất đối với đất xây dựng công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 156 Luật Đất đai như sau:

a) Giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với đất xây dựng công trình do nhà nước hoặc doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đầu tư, quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Đất đai;

b) Cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với đất xây dựng công trình do tổ chức, cá nhân khác đầu tư, quản lý theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 56 Luật Đất đai.

3. Căn cứ để Cảng vụ hàng không giao đất, cho thuê đất tại cảng hàng không, sân bay gồm:

a) Quyết định giao đất của Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho Cảng vụ hàng không;

b) Phân loại đất giao, đất cho thuê theo quy định tại Điều 156 Luật Đất đai và khoản 2 Điều này;

c) Quy hoạch cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

d) Văn bản của của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc xác định chủ đầu tư dự án xây dựng công trình tại cảng hàng không, sân bay;

đ) Nhu cầu sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất của công trình được thể hiện trong dự án đầu tư, đơn đề nghị giao đất, thuê đất.

1. **Xác định và đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại cảng hàng không, sân bay**

1. Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc, quy hoạch cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khi có yêu cầu, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng đất để mở rộng, điều chỉnh ranh giới cảng hàng không, sân bay, báo cáo Bộ Giao thông vận tải để đăng ký với cơ quan có thẩm quyền để lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Kế hoạch sử dụng đất tại cảng hàng không, sân bay được lập khi có sự thay đổi về diện tích, ranh giới cảng hàng không, sân bay theo quy hoạch cảng hàng không, sân bay được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ quy hoạch cảng hàng không, sân bay được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Cảng vụ hàng không xác định và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất trong năm nhằm xây mới, mở rộng, điều chỉnh ranh giới cảng hàng không, sân bay và gửi văn bản đăng ký đến Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) nơi có đất để lập hoặc điều chỉnh diện tích đất cảng hàng không, sân bay trong kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

3. Căn cứ quy hoạch sử dụng đất trong quy hoạch cảng hàng không, sân bay được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Cảng vụ hàng không rà soát, lập kế hoạch thực hiện quy hoạch sử dụng đất trong phạm vi ranh giới đất hiện hữu cảng hàng không, sân bay và trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

4. Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Điều này.

1. **Thủ tục giao đất**

1. Tổ chức có nhu cầu sử dụng đất gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị giao đất trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc bằng các hình thức khác đến Cảng vụ hàng không. Hồ sơ đề nghị giao đất bao gồm:

a) Đơn đề nghị giao đất theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

c) Bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

d) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.

2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng không thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

3. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cảng vụ hàng không thông báo bằng văn bản lý do từ chối việc giao đất cho tổ chức đề nghị hoặc ban hành quyết định giao đất theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; tổ chức bàn giao đất trên thực địa và lập biên bản bàn giao theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định giao đất, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm gửi quyết định giao đất, trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất đến Văn phòng đăng ký đất đai của địa phương để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

5. Đối với các công trình hiện hữu đã và đang khai thác, sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các công trình liền kề tại cảng hàng không, sân bay nhưng không có một trong các giấy tờ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, chủ sở hữu công trình có trách nhiệm đo đạc bản đồ địa chính hiện trạng sử dụng đất để làm căn cứ hoàn thiện hồ sơ đề nghị giao đất thay thế cho các loại giấy tờ như văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

1. **Thủ tục cho thuê đất tại cảng hàng không, sân bay**

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không. Hồ sơ đề nghị cho thuê đất bao gồm:

a) Đơn đề nghị cho thuê đất theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

c) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

d) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.

2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng không thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

3. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không ban hành quyết định cho thuê đất theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; tiến hành bàn giao đất trên thực địa và lập biên bản bàn giao theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; gửi quyết định cho thuê đất, hồ sơ đề nghị thuê đất của tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền của địa phương để đề nghị ban hành đơn giá thuê đất theo quy định.

4. Sau thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn giá thuê đất, Cảng vụ hàng không ký hợp đồng thuê đất theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Đối với các công trình hiện hữu đã và đang khai thác, sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các công trình liền kề tại cảng hàng không, sân bay nhưng không một trong các giấy tờ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, chủ sở hữu công trình có trách nhiệm đo đạc bản đồ địa chính hiện trạng sử dụng đất để làm căn cứ hoàn thiện hồ sơ đề nghị thuê đất thay thế cho các loại giấy tờ như văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

1. **Thời hạn cho thuê đất tại cảng hàng không, sân bay**

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình mới theo quy hoạch được duyệt, thời hạn cho thuê đất tại cảng hàng không, sân bay được áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 126 của Luật Đất đai.

2. Đối với đất của các công trình hiện hữu đã và đang khai thác, sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các công trình liền kề tại cảng hàng không, sân bay và phù hợp với quy hoạch cảng hàng không, sân bay đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Cảng vụ hàng không cho thuê đất trên cơ sở đơn xin thuê đất nhưng không quá 50 năm.

3. Đối với đất của các công trình hiện hữu đã và đang khai thác, sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các công trình liền kề tại cảng hàng không, sân bay nhưng không phù hợp với quy hoạch cảng hàng không, sân bay đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Cảng vụ hàng không giao đất hoặc cho thuê đất trên cơ sở đơn đề nghị giao đất hoặc đơn xin thuê đất nhưng không quá thời hạn quy hoạch cảng hàng không, sân bay được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Khi hết thời hạn thuê đất, người đang sử dụng đất được xem xét gia hạn cho thuê đất nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

1. **Gia hạn cho thuê đất**

1. Việc gia hạn thời gian thuê đất thực hiện trên cơ sở quy hoạch cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, cá nhân sử dụng đất.

2. Trước khi hết thời hạn thuê đất tối thiểu là 03 tháng, tổ chức, cá nhân sử dụng đất gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn thời gian thuê đất trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn thời gian thuê đất;

b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất, chứng từ đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định của pháp luật của năm gần nhất;

c) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư mà có thay đổi thời hạn hoạt động của dự án (nếu có);

d) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc gia hạn thời hạn của dự án đầu tư (nếu có).

3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng không thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

4. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không ban hành quyết định gia hạn cho thuê đất theo Mẫu số 6 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; gửi quyết định gia hạn cho thuê đất, hồ sơ đề nghị thuê đất của tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền của địa phương để đề nghị ban hành đơn giá thuê đất theo quy định.

5. Sau thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn giá thuê đất, Cảng vụ hàng không ký hợp đồng thuê đất theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

1. **Thu hồi đất do vi phạm của pháp luật**

1. Trường hợp vi phạm pháp luật mà phải thu hồi đất, khi hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm lập biên bản về vi phạm hành chính để làm căn cứ quyết định thu hồi đất.

Trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai không thuộc trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra lập biên bản xác định hành vi vi phạm để làm căn cứ quyết định thu hồi đất.

2. Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hành vi vi phạm, cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm gửi biên bản hành vi vi phạm đến Cảng vụ hàng không.

3. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được biên bản hành vi vi phạm, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm thẩm tra, xác minh thực địa trong trường hợp cần thiết và ban hành quyết định thu hồi đất theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định thu hồi đất, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm gửi quyết định thu hồi đất, trích lục hoặc trích đo bản đồ địa chính khu đất thu hồi đến Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

1. **Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất**

1. Cảng vụ hàng không thực hiện thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất khi:

a) Nhận được văn bản trả lại đất của tổ chức, cá nhân được Cảng vụ hàng không giao đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất nay chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất;

b) Nhận được quyết định giải thể, phá sản của cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức được Cảng vụ hàng không giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

c) Nhận được giấy chứng tử hoặc quyết định tuyên bố một người là đã chết theo quy định của pháp luật và văn bản xác nhận không có người thừa kế của cơ quan có thẩm quyền đối với cá nhân được Cảng vụ hàng không cho thuê đất.

2. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được các văn bản quy định tại các khoản 1 của Điều này, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm thẩm tra và xác minh thực địa trong trường hợp cần thiết; ban hành quyết định thu hồi đất theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định thu hồi đất, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm gửi quyết định thu hồi đất, trích lục hoặc trích đo bản đồ địa chính khu đất thu hồi đến Cục Hàng không Việt Nam, Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

1. **Quản lý hồ sơ đất đai tại cảng hàng không, sân bay**

1. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm quản lý toàn bộ hồ sơ đất đai cảng hàng không, sân bay.

2. Hồ sơ đất đai cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Quyết định giao đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp cho Cảng vụ hàng không;

b) Hồ sơ đề nghị giao đất, cho thuê đất của các tổ chức, cá nhân;

c) Các tài liệu khác có liên quan.

**Chương IV**

**MỞ, ĐÓNG CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY, TRỪ SÂN BAY CHUYÊN DÙNG**

1. **Mở cảng hàng không, sân bay**

1. Điều kiện cho phép mở cảng hàng không, sân bay:

a) Cảng hàng không, sân bay đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định;

b) Cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn vùng trời, đường bay và phương thức bay phục vụ khai thác sân bay.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 08 bộ hồ sơ đề nghị mở cảng hàng không, sân bay trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đề nghị bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị, bao gồm các nội dung: Tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, quy mô, loại hình cảng hàng không, sân bay; cấp sân bay;

b) Văn bản giải trình, chứng minh về việc đủ điều kiện mở cảng hàng không, sân bay quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị mở cảng hàng không, sân bay, Bộ Giao thông vận tải tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mở cảng hàng không, sân bay. Trường hợp không chấp thuận mở cảng hàng không, sân bay, Bộ Giao thông vận tải phải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do.

1. **Chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế**

1. Điều kiện cho phép chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế:

a) Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc;

b) Cảng hàng không, sân bay đã được cấp sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay đảm bảo phục vụ các chuyến bay quốc tế;

c) Cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn vùng trời, đường bay và phương thức bay phục vụ khai thác các chuyến bay quốc tế.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 08 bộ hồ sơ đề nghị công bố cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đề nghị bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị, bao gồm các nội dung: Tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, quy mô, loại hình cảng hàng không, sân bay; cấp sân bay; thời gian đề nghị chuyển thành cảng hàng không quốc tế;

b) Văn bản giải trình, chứng minh về việc đủ điều kiện chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế, Bộ Giao thông vận tải quyết định công bố chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải phải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do.

1. **Đóng cảng hàng không, sân bay**

1. Việc đóng cảng hàng không, sân bay bao gồm các loại hình sau:

a) Chấm dứt hoạt động của cảng hàng không, sân bay;

b) Chấm dứt hoạt động phục vụ cho vận chuyển hàng không quốc tế đối với cảng hàng không quốc tế.

2. Bộ Giao thông vận tải đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định đóng cảng hàng không, sân bay trong các trường hợp sau:

a) Vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh;

b) Vì lý do đặc biệt ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội.

3. Hồ sơ đề nghị đóng cảng hàng không, sân bay bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị đóng cảng hàng không, sân bay, bao gồm các thông tin: Tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, quy mô, loại hình cảng hàng không, sân bay; cấp sân bay; lý do, thời điểm đóng cảng hàng không, sân bay;

b) Phương án tổng thể khắc phục, xử lý các vấn đề liên quan đến việc đóng cảng hàng không, sân bay;

c) Các tài liệu liên quan đến đề nghị đóng cảng hàng không, sân bay.

4. Bộ Giao thông vận tải tổ chức công bố việc đóng cảng hàng không, sân bay; phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý các vấn đề liên quan.

1. **Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay**

1. Toàn bộ hoặc một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay bị đóng tạm thời trong các trường hợp sau:

a) Việc cải tạo, mở rộng, sửa chữa cần ngừng hoạt động của cảng hàng không, sân bay;

b) Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay bị thu hồi, đình chỉ;

c) Thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không.

2. Cục Hàng không Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Theo đề nghị của người khai thác cảng hàng không, sân bay, Giám đốc Cảng vụ hàng không quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong thời gian không quá 24 giờ vì sự cố đột xuất hoặc do điều kiện thời tiết để bảo đảm an toàn, an ninh hàng không; báo cáo ngay Cục Hàng không Việt Nam.

4. Cục Hàng không Việt Nam (đối với trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này) và Cảng vụ hàng không (đối với trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này) có trách nhiệm công bố đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trên hệ thống thông tin hàng không theo quy định, thông báo cho chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị liên quan; chỉ đạo tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý các vấn đề liên quan.

5. Cơ quan quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay quyết định cho phép cảng hàng không, sân bay hoạt động trở lại sau khi các lý do đóng tạm thời bị loại bỏ.

1. **Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng**

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Văn bản đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng cửa tạm thời cảng hàng không, sân bay.

b) Quyết định phê duyệt dự án cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng của cơ quan có thẩm quyền.

c) Phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

2. Thủ tục đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay:

a) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định cho Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do.

1. **Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay khi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay bị thu hồi**

1. Cục Hàng không Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Tờ trình xin phép đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay;

b) Quyết định thu hồi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay;

c) Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay đã cấp.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do.

1. **Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không**

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay báo cáo ngay Cảng vụ hàng không đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không trong thời gian không quá 24 giờ. Giám đốc Cảng vụ hàng không có trách nhiệm xem xét, ra quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong thời gian không quá 24 giờ và báo cáo Cục Hàng không Việt Nam.

2. Thủ tục đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không với thời gian đóng quá 24 giờ quy định như sau:

a) Người khai thác cảng hàng không, sân bay báo cáo ngay Cục Hàng không Việt Nam về việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay. Báo cáo bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay;

b) Ngay khi nhận được báo cáo của người khai thác cảng hàng không, sân bay, Cục Hàng không Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay;

c) Trong thời gian 24 giờ khi nhận được tờ trình của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ trưởng Giao thông vận tải quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do.

**Chương V**

**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC; CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY****, TRỪ SÂN BAY CHUYÊN DÙNG**

1. **Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo quy hoạch tổng thể hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc**

1. Chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay; chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của chủ sở hữu cảng hàng không, sân bay là cá nhân;

c) Bản sao quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư cảng hàng không, sân bay trong trường hợp xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không, sân bay;

d) Bản sao tài liệu xác nhận kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay đã hoàn thành các thủ tục nghiệm thu theo quy định về đầu tư xây dựng trong trường hợp xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không, sân bay.

2. Trong trường hợp cảng hàng không, sân bay đang xây dựng, chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm các tài liệu nêu tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, bao gồm các nội dung sau:

a) Cảng hàng không, sân bay được xây dựng phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc đã được phê duyệt;

b) Kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay được xây dựng, nghiệm thu kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định và năng lực khai thác;

c) Phương án xây dựng kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định đối với việc đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay đang xây dựng và năng lực khai thác.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay và cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

5. Chậm nhất 60 ngày sau khi hoàn thành xây dựng, cảng hàng không, sân bay đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời phải được đăng ký theo quy định của Nghị định này.

6. Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bị mất, rách, hỏng được đề nghị cấp lại. Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay gửi đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác theo Mẫu số 08 ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định này đến Cục Hàng không Việt Nam.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét quyết định cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp lại cho người đề nghị.

7. Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bị thu hồi trong trường hợp không còn đáp ứng điều kiện để được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

1. **Sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay**

1. Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay phải cập nhật thông tin về những thay đổi của cảng hàng không, sân bay và đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay khi có sự thay đổi về:

a) Tên, địa chỉ của chủ sở hữu hoặc người khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Tên cảng hàng không, sân bay;

c) Vị trí, tọa độ điểm quy chiếu cảng hàng không, sân bay;

d) Cấp sân bay;

đ) Mục đích khai thác;

e) Năng lực khai thác tương ứng với loại tàu bay lớn nhất được phép khai thác tại cảng hàng không, sân bay.

2. Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định việc sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay; cấp mới giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đã cấp hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối sửa đổi.

1. **Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi, thu hồi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay**

1. Tổ chức được giao quản lý, khai thác hoặc cho thuê quyền khai thác hoặc được thuê quản lý, khai thác hoặc được chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác các công trình thuộc kết cấu hạ tầng sân bay theo quy định của pháp luật (trừ các công trình cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay do doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đầu tư) gửi 08 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu khai thác sân bay.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác sân bay và thông báo kết quả thẩm định tài liệu khai thác sân bay. Nội dung thẩm định tài liệu khai thác sân bay bao gồm các nội dung sau:

a) Các yếu tố bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, tiêu chuẩn dịch vụ;

b) Việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của sân bay theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định của ICAO;

c) Danh mục không đáp ứng (nếu có).

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu khai thác sân bay đã hoàn thiện theo văn bản thông báo kết quả thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức kiểm chứng các điều kiện thực tế của sân bay đối với tài liệu khai thác.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm chứng các điều kiện thực tế của sân bay đối với tài liệu khai thác, Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho người đề nghị.

5. Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay được sửa đổi trong các trường hợp thay đổi một trong các nội dung được ghi trong giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

6. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.

7. Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay bị mất, rách, hỏng được đề nghị cấp lại. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định cấp lại giấy chứng nhận hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp lại cho người đề nghị.

8. Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay bị thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều 51 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

1. **Tài liệu khai thác sân bay**

1. Khi có sự thay đổi về các thông số kỹ thuật của các công trình, trang thiết bị trong sân bay, phương án vận hành khai thác tàu bay, quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ trong sân bay, người khai thác cảng hàng không, sân bay phải tiến hành cập nhật vào các trang tu chỉnh của tài liệu khai thác sân bay.

2. Định kỳ một lần trong năm, người khai thác cảng hàng không, sân bay rà soát và trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt lại tài liệu khai thác sân bay khi có sự thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu khai thác sân bay. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt;

b) Dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu;

c) Tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung;

d) Số lượng hồ sơ: 08 bộ.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác sân bay và thông báo kết quả thẩm định tài liệu khai thác sân bay.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu khai thác sân bay đã hoàn thiện theo văn bản thông báo kết quả thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức kiểm chứng các điều kiện thực tế của sân bay theo các nội dung sửa đổi, bổ sung của tài liệu khai thác (nếu cần thiết); phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.

1. **Thủ tục cấp, cấp lại, hủy bỏ Giấy phép kinh doanh cảng hàng không**

1. Cá nhân, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Bản sao tài liệu chứng minh về tổ chức bộ máy và nhân viên được cấp giấy phép, chứng chỉ phù hợp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng;

d) Bản chính văn bản xác nhận vốn;

đ) Phương án về trang bị, thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác để bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không theo Mẫu số 13 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản trả lời, hướng dẫn người đề nghị hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

3. Giấy phép kinh doanh cảng hàng không được cấp lại trong trường hợp mất, hỏng hoặc thay đổi nội dung trong giấy phép.

4. Cá nhân, tổ chức gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi nội dung Giấy phép (nếu có).

5. Đối với Giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không; trường hợp không cấp Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

6. Đối với Giấy phép cấp lại do bị mất, hỏng: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại Giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp Giấy phép cho người đề nghị.

7. Giấy phép kinh doanh cảng hàng không bị hủy bỏ hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

a) Cung cấp thông tin không trung thực trong quá trình đề nghị cấp Giấy phép;

b) Không duy trì mức vốn tối thiểu liên tục trong quá trình hoạt động;

c) Vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về an ninh, quốc phòng;

d) Chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị của doanh nghiệp;

đ) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không, điều kiện kinh doanh, giá dịch vụ, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường;

e) Không bắt đầu khai thác cảng hàng không trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép.

8. Cục Hàng không Việt Nam ban hành quyết định hủy bỏ hiệu lực của Giấy phép, nêu rõ lý do, thời điểm hủy bỏ hiệu lực của Giấy phép. Doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không phải chấm dứt ngay việc kinh doanh cảng hàng không theo quyết định đã được ban hành.

9. Cục Hàng không Việt Nam thông báo về việc cấp, cấp lại, hủy bỏ Giấy phép kinh doanh cảng hàng không cho Cảng vụ hàng không để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.”

**Chương VI**

**QUẢN LÝ, KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY, TRỪ SÂN BAY CHUYÊN DÙNG**

1. **Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động tại cảng hàng không, sân bay**

1. Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại cảng hàng không, sân bay, người khai thác cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không và các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ khác tại cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm phối hợp phục vụ, duy trì cung cấp dịch vụ cho chuyến bay hoạt động theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng, bảo đảm an ninh, an toàn hàng không, bảo vệ môi trường.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không có trách nhiệm duy trì đủ điều kiện khai thác công trình, thiết bị cảng hàng không, sân bay, cung cấp dịch vụ hàng không theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; trường hợp xảy ra sự cố hoặc phát hiện hỏng hóc uy hiếp trực tiếp đến khai thác, an toàn, an ninh hàng không, bảo vệ môi trường, phải báo cáo ngay cho Cảng vụ hàng không và triển khai các biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời.

3. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không nộp phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay cho Cảng vụ hàng không theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay, không phải là dịch vụ bảo đảm hoạt động bay hoặc dịch vụ vận chuyển hàng không nộp giá sử dụng các dịch vụ do người khai thác cảng hàng không, sân bay cung cấp theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

5. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về việc thực hiện quy hoạch, xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị tại cảng hàng không, sân bay, bảo đảm an ninh, an toàn hàng không, bảo vệ môi trường cho Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không khi có yêu cầu.

6. Người khai thác tàu bay phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay thông tin về việc thay đổi kế hoạch bay, các chuyến bay bị chậm, bị hủy so với kế hoạch bay để phối hợp điều hành hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay.

7. Người khai thác tàu bay phải nộp bản cân bằng trọng tải, danh sách tổ bay, danh sách hành khách, bản kê khai hàng hóa của mỗi chuyến bay cho Cảng vụ hàng không trong vòng 5 (năm) giờ sau khi tàu bay cất cánh hoặc hạ cánh hoặc khi có yêu cầu đột xuất của Cảng vụ hàng không. Tài liệu được gửi trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm lưu giữ tài liệu chuyến bay trong thời hạn 2 (hai) năm kể từ ngày nhận. Người khai thác tàu bay có thể bị đình chỉ thực hiện chuyến bay trong trường hợp vi phạm quy định về nộp tài liệu chuyến bay.

8. Tổ chức, cá nhân kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về giá. Cảng vụ hàng không có quyền đình chỉ chuyến bay trong trường hợp người khai thác tàu bay cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho dịch vụ hàng không đã được cung cấp.

9. Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, trừ sân bay chuyên dùng.

1. **Đảm bảo an toàn khai thác trong quá trình xây dựng và lắp đặt thiết bị đối với công trình xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo; phá dỡ công trình; bảo hành, bảo trì công trình xây dựng, đưa công trình vào khai thác tại cảng hàng không, sân bay**

1. Việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình, lắp đặt thiết bị tại cảng hàng không, sân bay phải phù hợp với mục đích sử dụng, quy hoạch cảng hàng không, sân bay được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Người quản lý, khai thác công trình, thiết bị tại cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa công trình, thiết bị theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình áp dụng và theo quy định của pháp luật.

3. Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực sân bay có làm thay đổi phương án khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, phương án khai thác hệ thống thiết bị đảm bảo hoạt động bay.

4. Cảng vụ hàng không chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay trong thời gian giãn cách giữa các chuyến bay hoặc phương án thi công không làm thay đổi phương án khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn sân đỗ tàu bay, phương án khai thác hệ thống thiết bị đảm bảo hoạt động bay.

5. Chủ đầu tư dự án, người khai thác kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay, người khai thác thiết bị bảo đảm hoạt động bay gửi 02 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay đến Cục Hàng không Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc Cảng vụ hàng không theo quy định của khoản 4 Điều này, hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận;

b) Phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay trong quá trình thi công kèm phương án điều chỉnh khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, phương án điều chỉnh khai thác hệ thống thiết bị đảm bảo hoạt động bay (nếu có);

c) Thỏa thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay với cơ quan, đơn vị liên quan.

6. Trong thời hạn 12 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam (đối với quy định tại khoản 3 Điều này) hoặc Cảng vụ hàng không (đối với quy định tại khoản 4 Điều này) có trách nhiệm thẩm định, ban hành văn bản chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay trong quá trình thi công. Trường hợp từ chối chấp thuận, phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị, nêu rõ lý do.

7. Trường hợp đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, thiết bị bảo đảm hoạt động bay bị hư hỏng đột xuất uy hiếp trực tiếp đến an toàn, an ninh hàng không cần thực hiện ngay, người khai thác kết cấu hạ tầng sân bay, người khai thác thiết bị bảo đảm hoạt động bay triển khai ngay việc sửa chữa, khắc phục hư hỏng; thông báo ngay cho cơ sở cung cấp dịch vụ thông báo tin tức hàng không để thông báo tin tức hàng không theo quy định; báo cáo Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không về tinh trạng hư hỏng, kết quả khắc phục.

8. Đối với việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa, đưa vào khai thác công trình dùng chung dân dụng và quân sự, đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay, chủ đầu tư dự án phải lấy ý kiến của các đơn vị quân sự có liên quan tại cảng hàng không, sân bay để thống nhất các vấn đề liên quan đến hoạt động quân sự trước khi hoàn thiện hồ sơ đưa công trình vào khai thác hoặc hồ sơ đề nghị chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay.

9. Trường hợp khai thác sân bay trong điều kiện tầm nhìn hạn chế theo quy định, không được phép thi công xây dựng, bảo trì các công trình gần hệ thống điện sân bay. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay tại sân bay có trách nhiệm thông báo việc khai thác sân bay trong điều kiện tầm nhìn hạn chế cho người phụ trách thi công công trình để dừng việc thi công.

10. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm, kiểm tra đảm bảo việc tuân thủ phương án đảm bảo an ninh, an toàn đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp phát hiện kế hoạch, phương án thi công, phương án khai thác không đảm bảo an toàn cho hoạt động tại cảng hàng không, sân bay và hoạt động bay, Cảng vụ hàng không yêu cầu chủ đầu tư, người khai thác công trình, người khai thác thiết bị bảo đảm hoạt động bay tạm dừng việc thi công.

11. Việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay ảnh hưởng đến hoạt động bay phải được thông báo theo quy định về thông báo tin tức hàng không.

1. **Đưa vào khai thác, đóng tạm thời công trình, một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay**

1. Các công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay phải thực hiện thủ tục đưa vào khai thác, đóng tạm thời công trình hoặc một phần công trình bao gồm:

a) Đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay;

b) Công trình cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

c) Công trình nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa;

d) Công trình cung cấp dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; dịch vụ kỹ thuật hàng không; dịch vụ suất ăn hàng không; dịch vụ xăng dầu hàng không.

2. Công trình cảng hàng không, sân bay được đưa vào khai thác phải bảo đảm đủ điều kiện và tiêu chuẩn khai thác theo quy định.

3. Công trình cảng hàng không, sân bay ngừng khai thác phải bảo đảm duy trì hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay, trừ trường hợp phải đóng, đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay theo quy định.

4. Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị đưa công trình, một phần công trình vào khai thác bao gồm các thông tin: vị trí và phạm vi đưa vào sử dụng; thời gian đưa vào sử dụng; các thông số kỹ thuật chính của hạng mục công trình; tuổi thọ công trình;

b) Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận kết quả nghiêm thu của chủ đầu tư;

c) Tài liệu khai thác công trình.

5. Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Tờ trình xin phép đóng cửa tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: lý do đóng tạm thời; vị trí và phạm vi đóng tạm thời; thời gian đóng tạm thời;

b) Bản sao sơ đồ bản vẽ chi tiết khu vực đóng tạm thời;

c) Phương án bảo đảm duy trì hoạt động liên quan đến công trình đóng tạm thời;

d) Biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời;

đ) Văn bản thỏa thuận với các cơ quan, đơn vị có liên quan.

6. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định việc đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác, đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay. Trong trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

7. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn việc lập tài liệu khai thác công trình.

8. Cảng vụ hàng không thực hiện việc kiểm tra đảm bảo việc tuân thủ phương án bảo đảm duy trì hoạt động, biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời.

9. Khi có sự thay đổi về các thông số kỹ thuật của các công trình, quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ, người khai thác công trình phải tiến hành cập nhật vào các trang tu chỉnh của tài liệu khai thác công trình. Định kỳ một lần trong năm, người khai thác công trình rà soát và trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt lại tài liệu khai thác công trình khi có sự thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu khai thác sân bay. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt;

b) Dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu;

c) Tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung;

d) Số lượng hồ sơ: 08 bộ.

10. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác công trình, phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.

1. **Nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện, hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay**

1. Tổ chức quản lý nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay đề nghị cấp Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay đối với trường hợp cấp lần đầu gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kèm danh sách nhân viên được đề nghị theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này

b) Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện);

c) Chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo, huấn luyện ban đầu chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo được Cục Hàng không Việt Nam cấp phép hoặc giấy chứng nhận điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị chuyên ngành hàng không của cơ sở sản xuất, chế tạo phương tiện, thiết bị;

d) 02 ảnh màu kích thước 3x4 cm, chụp không quá 06 tháng.

2. Trong thời hạn 18 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, tổ chức sát hạch, quyết định cấp Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp Giấy phép cho tổ chức đề nghị.

3. Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay được đề nghị cấp lại trong các trường hợp sau:

a) Hết thời hạn hiệu lực của Giấy phép;

b) Giấy phép bị mất, rách, hỏng;

c) Có sự thay đổi về tổ chức sử dụng nhân viên hàng không.

4. Tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kèm danh sách nhân viên được đề nghị theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện);

c) Hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng lao động đối với trường hợp có sự thay đổi về tổ chức sử dụng nhân viên hàng không;

d) 02 ảnh màu kích thước 3x4 cm, chụp không quá 06.

Trong thời hạn 18 ngày đối với trường hợp giấy phép hết thời hạn hiệu lực và 05 ngày làm việc đối với trường hợp giấy phép bị mất, rách, hỏng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, tổ chức sát hạch (đối với trường hợp giấy phép hết thời hạn hiệu lực), quyết định cấp lại Giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp lại Giấy phép cho tổ chức đề nghị.

5. Tổ chức đề nghị cấp bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp bổ sung năng định kèm danh sách nhân viên được đề nghị theo Mẫu số 15 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện);

c) Chứng chỉ chuyên môn đối với nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay hoặc giấy chứng nhận điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị chuyên ngành hàng không của cơ sở sản xuất, chế tạo phương tiện, thiết bị;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, quyết định cấp bổ sung năng định hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho tổ chức đề nghị.

6. Nhân viên có Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay được phép hoạt động tại tất cả các cảng hàng không, sân bay do tổ chức sử dụng nhân viên cung cấp dịch vụ.

7. Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay có hiệu lực 07 năm.

8. Cục Hàng không Việt Nam thu hồi giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay trong trường hợp sau:

a) Giấy phép bị tẩy xóa, được sử dụng không đúng mục đích;

b) Nhân viên có hành vi vi phạm uy hiếp trực tiếp an toàn, an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay, có hành vi che dấu vi phạm quy định về an toàn, an ninh, hàng không;

c) Nhân viên bị phát hiện sử dụng chất gây nghiện; bị kết án trong các vụ án hình sự; gây mất trật tự, an toàn xã hội trong khu vực cảng hàng không, sân bay.

9. Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Điều này.

1. **Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam**

1. Người đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không, trong đó mô tả sản phẩm và các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật chính;

b) Bản sao tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường được áp dụng;

c) Bản sao các tài liệu liên quan: thiết kế kỹ thuật và chi tiết; vật liệu; phương pháp và quy trình sản xuất; hướng dẫn lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng; lắp ráp của sản phẩm; chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật chính;

d) Bản sao biên bản nghiệm thu bàn giao hoặc nghiệm thu hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng;

đ) Bản sao biên bản kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng do cơ sở có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện;

e) Báo cáo kết quả khai thác thử theo các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật của sản phẩm.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện các công việc kiểm tra, thử nghiệm cần thiết, quyết định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không theo Mẫu số 16 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận cho người đề nghị. Công việc kiểm tra, thử nghiệm bao gồm các công việc sau:

a) Xác định yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường được áp dụng;

b) Kiểm tra thực tế sản phẩm; kiểm tra kết quả nghiệm thu;

c) Thẩm định các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật cần thiết chứng minh việc đáp ứng hoặc phù hợp của sản phẩm, với các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng; bao gồm cả thông tin về vật liệu và quy trình, phương pháp chế tạo, lắp ráp sản phẩm;

d) Kiểm tra kết quả kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường được áp dụng; trong trường hợp cần thiết, thực hiện hoặc yêu cầu người đề nghị cấp giấy chứng nhận thuê tổ chức độc lập đủ khả năng thực hiện các kiểm tra, thử nghiệm cần thiết để kiểm chứng việc tuân thủ các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng;

đ) Kiểm tra kết quả khai thác thử.

3. Giấy chứng nhận, đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không có giá trị đối với các thiết bị, phương tiện được sản xuất, lắp ráp, cải tiến theo thiết kế và quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng.

1. **Cấp, thu hồi biển số của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay**

1. Cảng vụ hàng không cấp biển số của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay, trừ trường hợp phương tiện có tham gia giao thông thường xuyên ngoài khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp biển số của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp biển số, trong đó nêu rõ nhu cầu sử dụng phương tiện; năm sản xuất, số seri của phương tiện; phương tiện đã qua sử dụng hoặc chưa qua sử dụng;

b) Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cảng vụ hàng không cấp biển số cho phương tiện hoặc có văn bản thông báo lý do từ chối cấp biển số cho phương tiện.

3. Biển số bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Hết niên hạn sử dụng đối với các xe có niên hạn sử dụng theo quy định của nhà sản xuất;

b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không không còn nhu cầu sử dụng phương tiện để hoạt động tại cảng hàng không, sân bay.

1. **Phối hợp hoạt động quản lý nhà nước tại cảng hàng không, sân bay**

1. Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn trình tự thực hiện các quy trình làm thủ tục đối với tàu bay, hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi trên cơ sở thống nhất với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan.

2. Cục Hàng không Việt Nam chủ trì tổ chức hội nghị phối hợp các cơ quan quản lý nhà nước khi cần thiết để thống nhất công tác phối hợp và giải quyết các vấn đề phát sinh đối với hoạt động tại cảng hàng không, sân bay.

3. Cảng vụ hàng không cung cấp, cập nhật sơ đồ cảng hàng không, sân bay cho cơ quan quản lý nhà nước liên quan tại cảng hàng không, sân bay; chủ trì cuộc họp liên tịch hàng quý hoặc khi cần thiết để giải quyết các vấn đề phát sinh đối với hoạt động của cảng hàng không, sân bay.

1. **Kiểm soát hoạt động tại cảng hàng không, sân bay**

1. Người, đồ vật, phương tiện ra, vào, hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay chịu sự kiểm tra, giám sát về an ninh, an toàn hàng không, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế tại cảng hảng không, sân bay phải được kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Cảng vụ hàng không cấp, thu hồi biển số hoạt động của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay.

1. **Điều phối giờ hạ, cất cánh tại cảng hàng không, sân bay**

1. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức khảo sát, công bố giới hạn khai thác của cảng hàng không, sân bay đối với chuyến bay thường lệ trên cơ sở các yếu tố sau:

a) Điều kiện khai thác của cảng hàng không, sân bay;

b) Hệ thống kết cấu hạ tầng, thiết bị của cảng hàng không, sân bay;

c) Khả năng cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

d) Năng lực thông qua của nhà ga hành khách, ga hàng hoá;

đ) Năng lực thông qua vùng trời sân bay, đường cất hạ cánh, đường lăn và giới hạn dịch vụ đảm bảo hoạt động bay.

2. Cục Hàng không Việt Nam chủ trì tổ chức điều phối giờ hạ, cất cánh của tàu bay, sử dụng sân đỗ tàu bay trên cơ sở giới hạn khai thác được công bố quy định tại Khoản 1 Điều này; công bố giờ cao điểm và cơ chế quản lý, phân bổ giờ hạ, cất cánh trong giờ cao điểm tại cảng hàng không, sân bay được điều phối.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm đánh giá, báo cáo giới hạn khai thác, năng lực tiếp nhận các chuyến bay trong phạm vi quản lý, khai thác của từng cơ quan, đơn vị khi có yêu cầu.

1. **Xác định khu vực quản lý tại sân bay dùng chung dân dụng và quân sự**

1. Sân bay dùng chung dân dụng và quân sự là sân bay phục vụ cho cả hoạt động dân dụng và quân sự.

2. Sân bay dùng chung dân dụng và quân sự bao gồm các khu vực sau đây:

a) Khu vực sử dụng riêng cho hoạt động quân sự;

b) Khu vực sử dụng cho hoạt động dân dụng;

c) Khu vực sử dụng chung cho hoạt động dân dụng và quân sự.

1. **Quản lý sân bay dùng chung dân dụng và quân sự**

1. Trách nhiệm quản lý sân bay dùng chung dân dụng và quân sự:

a) Bộ Quốc phòng có trách nhiệm quản lý khu vực sử dụng riêng cho hoạt động quân sự;

b) Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm quản lý khu vực sử dụng cho hoạt động dân dụng;

c) Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng xác định trách nhiệm quản lý khu vực sử dụng chung cho hoạt động dân dụng và quân sự.

2. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng xác định ranh giới khu vực sử dụng riêng cho hoạt động dân dụng, khu vực sử dụng cho hoạt động quân sự, khu vực sử dụng chung cho hoạt động dân dụng và quân sự.

3. Việc quản lý, khai thác sân bay dùng chung dân dụng và quân sự phải được hiệp đồng bằng văn bản. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chủ trì, phối hợp với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, đơn vị quân đội trong khu vực cảng hàng không, sân bay xây dựng văn bản hiệp đồng, bao gồm các nội dung sau:

a) Phân định khu vực, kết cấu hạ tầng do từng bên quản lý, khai thác; trách nhiệm quản lý, khai thác, kiểm tra điều kiện khai thác khu vực sử dụng chung cho hoạt động dân dụng và quân sự; mức độ ưu tiên sử dụng khu vực, kết cấu hạ tầng trong các tình huống đột xuất, đặc biệt;

b) Phối hợp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, bảo đảm an toàn trong khu bay; trách nhiệm của các bên trong trường hợp khẩn cấp có hoạt động của tàu bay quân sự;

c) Điều kiện thiết bị và nhân lực tối thiểu để đáp ứng các yêu cầu về điều hành tàu bay dân dụng, quân sự; phối hợp quản lý, khai thác chung mặt bằng, thiết bị, dịch vụ dành riêng cho hoạt động dân dụng hoặc quân sự trong trường hợp cần thiết; vị trí, thành phần làm nhiệm vụ tại đài kiểm soát không lưu chung khi có hoạt động bay hỗn hợp;

d) Trách nhiệm thông báo kế hoạch bay dân dụng, quân sự cho các đơn vị có liên quan; phối hợp trao đổi thông tin, thống nhất biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn hàng không;

đ) Các yêu cầu đặc thù của từng bên trong điều kiện bay đêm, tầm nhìn hạn chế đối với tàu bay quân sự;

e) Phối hợp xử lý các trường hợp xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, khai thác kết cấu hạ tầng và thiết bị thuộc khu vực dành riêng cho hoạt động quân sự, dân dụng có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động của nhau.

**Chương VII**

**HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY, TRỪ SÂN BAY CHUYÊN DÙNG**

1. **Hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay**

1. Doanh nghiệp cảng hàng không là doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện và phải được cấp giấy phép kinh doanh cảng hàng không theo quy định.

2. Doanh nghiệp cảng hàng không quyết định cho tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình để cung cấp dịch vụ phi hàng không theo quy định.

3. Doanh nghiệp cảng hàng không ký hợp đồng giao kết khai thác theo quy định đối với doanh nghiệp được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

1. **Cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay**

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay cung cấp dịch vụ trong phạm vi giấy phép được cấp; được giao hoặc thuê đất và đầu tư xây dựng công trình phục vụ cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật; ký hợp đồng giao kết khai thác theo quy định với người khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải có phương án dự phòng để bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục, không làm gián đoạn đến hoạt động hàng không, được phép thực hiện và tự chịu trách nhiệm về việc ngừng cung cấp dịch vụ theo quy định của hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc đơn phương ngừng cung cấp dịch vụ phải được báo cáo trước bằng văn bản gửi đến Cục Hàng không Việt Nam và báo trước cho đối tác liên quan tối thiểu là 7 (bảy) ngày làm việc trước ngày dự kiến ngừng cung cấp dịch vụ, có nêu rõ lý do.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh, an toàn hàng không, phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, giá dịch vụ, bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ.

4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, công trình môi trường của cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không đồng bộ, tương thích, phù hợp với hạ tầng kỹ thuật và môi trường của người khai cảng hàng không, sân bay.

5. Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

1. **Cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không**

1. Việc tổ chức cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không không được làm ảnh hưởng đến khả năng cung ứng và chất lượng dịch vụ vận chuyển hàng không. Mặt bằng tổ chức cung cấp dịch vụ phi hàng không trong nhà ga hành khách, nhà ga hàng hoá phải tuân thủ theo tài liệu khai thác công trình.

2. Việc cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không phải đảm bảo giá hợp lý, đáp ứng nhu cầu dịch vụ, phù hợp với tính chất, quy mô và điều kiện của kết cấu hạ tầng cảng hàng không. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn nhà nước phải thực hiện theo nguyên tắc cạnh tranh, chống độc quyền.

3. Không được tổ chức kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại khu bay, trừ các dịch vụ cần thiết gồm: cắt cỏ; xây dựng, lắp đặt, vệ sinh, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình, trang thiết bị hàng không và dịch vụ quảng cáo theo quy định tại Điều 55 của Nghị định này.

4. Cục Hàng không Việt Nam giám sát việc tổ chức cung cấp dịch vụ phi hàng không đáp ứng nhu cầu tại cảng hàng không; đình chỉ hoặc hủy bỏ hợp đồng cung cấp dịch vụ phi hàng không đối với tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật.

5. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không, phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, giá dịch vụ; đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ, sản phẩm bán ra; niêm yết công khai giá; bảo đảm văn minh, lịch sự, chu đáo.

6. Các công trình kỹ thuật, công trình môi trường của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không phải đồng bộ, tương thích, phù hợp với hạ tầng kỹ thuật và môi trường của người khai cảng hàng không, sân bay.

7. Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không.

1. **Hoạt động quảng cáo tại cảng hàng không, sân bay**

1. Việc quy hoạch, xây dựng, lắp đặt và cấp phép cho các công trình quảng cáo tại cảng hàng không, sân bay được thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo và pháp luật về xây dựng công trình.

2. Người khai thác công trình được thực hiện hoạt động quảng cáo tại công trình thuộc phạm vi quản lý, khai thác.

3. Việc xây dựng công trình quảng cáo, lắp đặt phương tiện quảng cáo phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Không làm ảnh hưởng đến mỹ quan, kiến trúc nhà ga, hệ thống biển báo trong nhà ga;

b) Không đặt biển quảng cáo, sử dụng tờ rơi, âm thanh để quảng cáo tại khu bay;

c) Không đặt biển quảng cáo tại vị trí cửa thoát hiểm của các công trình;

d) Không đặt biển quảng cáo ảnh hưởng đến công tác an toàn hàng không, an ninh hàng không, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông, cản trở luồng di chuyển của người và phương tiện;

đ) Không sử dụng âm thanh để quảng cáo tại các công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay; tại các công trình khác ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ hàng không;

e) Không lắp các đèn hiệu, biển quảng cáo có sử dụng đèn xoay, đèn laze và các thiết bị chiếu sáng gây ảnh hưởng đến hoạt động bay trong khu vực cảng hàng không, sân bay;

g) Không quảng cáo bằng khinh khí cầu, bóng bay, diều và các vật thể bay khác trong khu vực cảng hàng không, sân bay;

h) Không quảng cáo trên phương tiện mặt đất hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, các thiết bị tại sân đỗ tàu bay làm ảnh hưởng đến hoạt động bay hoặc tính năng hoạt động bình thường của phương tiện, thiết bị;

i) Không được lắp đặt các thiết bị điện tử, màn hình để quảng cáo trên các phương tiện mặt đất hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, các thiết bị tại sân đỗ tàu bay.

4. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc xây dựng công trình quảng cáo, hoạt động quảng cáo; đình chỉ việc xây dựng công trình quảng cáo, hoạt động quảng cáo vi phạm các quy định của pháp luật; thông báo và phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan để xử lý các vi phạm về xây dựng công trình quảng cáo, hoạt động quảng cáo tại cảng hàng không, sân bay.

**Chương VIII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

1. **Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày …… tháng ….. năm 20.. và thay thế Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

1. **Tổ chức thực hiện**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KTN (3b). | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Nguyễn Xuân Phúc** |

**PHỤ LỤC**

*Ban hành kèm theo Nghị định số …./NĐ-CP ngày ….. tháng năm 20… của Chính phủ quy định về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay*

|  |  |
| --- | --- |
| **Số thứ tự** | **Tên các Mẫu đơn, giấy phép** |
| Mẫu số 01 | Đơn đề nghị giao đất/thuê đất tại cảng hàng không, sân bay |
| Mẫu số 02 | Quyết định giao đất |
| Mẫu số 03 | Quyết định cho thuê đất |
| Mẫu số 04 | Biên bản bàn giao đất trên thực địa |
| Mẫu số 05 | Hợp đồng cho thuê đất |
| Mẫu số 06 | Quyết định gia hạn cho thuê đất |
| Mẫu số 07 | Quyết định thu hồi đất |
| Mẫu số 08 | Đơn đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay |
| Mẫu số 09 | Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay |
| Mẫu số 10 | Đơn đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay |
| Mẫu số 11 | Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay |
| Mẫu số 12 | Tờ khai cấp, cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không |
| Mẫu số 13 | Giấy phép kinh doanh cảng hàng không |
| Mẫu số 14 | Tờ khai cấp, cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay |
| Mẫu số 15 | Đơn đề nghị cấp bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay |
| Mẫu số 16 | Mẫu giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không |

**Mẫu số 01**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------------------**

*….., ngày..... tháng …. năm....*

**ĐƠN1....**

***Kính gửi:*** Cảng vụ hàng không miền 2 …………………..

1. Tổ chức, cá nhân xin giao đất/thuê đất3 ..................................................

2. Địa chỉ/trụ sở chính: .................................................................................

3. Địa chỉ liên hệ: .........................................................................................

4. Địa điểm khu đất: .....................................................................................

5. Diện tích (m2): ..........................................................................................

6. Để sử dụng vào mục đích: 4 ......................................................................

7. Thời hạn sử dụng: .....................................................................................

8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;

Các cam kết khác (nếu có)............................................................................

9. Hồ sơ gửi kèm:5 ........................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
|   | **Tổ chức/cá nhân làm đơn***(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*1 Ghi rõ đơn đề nghị giao đất hoặc đề nghị thuê đất.*

*2 Ghi rõ tên Cảng vụ hàng không có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất.*

*3 Ghi rõ họ, tên tổ chức/cá nhân đề nghị giao đất, cho thuê đất kèm thông tin về cá nhân đối với trường hợp là cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); thông tin về tổ chức đối với trường hợp là tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...).*

*4 Ghi rõ mục đích sử dụng đất theo văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan có thẩm quyền.*

*5 Ghi rõ thành phần hồ sơ gửi kèm theo yêu cầu của Thông tư này.*

**Mẫu số 02**

|  |  |
| --- | --- |
| CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN…****----------**Số: ………/QĐ-CVM... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------***………, ngày …. tháng …. năm …..* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc …………………………………………..**

**CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN ....**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số ……./2019/NĐ-CP ngày…..tháng……năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Xét đề nghị của Phòng ………………..,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Giao cho ... *(ghi tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân được giao đất)* ...m2 đất tại Cảng hàng không, sân bay ……, xã/phường/thị trấn ….., huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh..., tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương ... để sử dụng vào mục đích....

Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số tỷ lệ ... do ... lập ngày ... tháng ... năm ... và đã được .... thẩm định.

Hình thức giao đất: Không thu tiền sử dụng đất

Những hạn chế về quyền của người sử dụng đất: Không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê quyền sử dụng đất, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

**Điều 2:** Giao ………………………. tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa cho tổ chức, cá nhân được giao đất.

2. Chỉnh lý bản đồ địa chính cảng hàng không, sân bay ………. và chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ quản lý đất tại cảng hàng không, sân bay....

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông/bà Trưởng phòng... và tổ chức, cá nhân được giao đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **GIÁM ĐỐC***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 03**

|  |  |
| --- | --- |
| CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN…****----------**Số: ………/QĐ-CVM... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------***………, ngày …. tháng …. năm …..* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc …………………………………………..**

**GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN ....**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số ……./2019/NĐ-CP ngày…..tháng……năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Xét đề nghị của *(ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn cho thuê đất)* ……

Xét đề nghị của Phòng …………..,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho ... (*ghi tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân được thuê đất*) thuê ....m2 đất tại cảng hàng không/sân bay..., xã/phường/thị trấn ……, huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh..., tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương ... để sử dụng vào mục đích....

Thời hạn thuê đất là ……, kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm...

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số ……., tỷ lệ ... do ……………….lập ngày ... tháng ... năm ... và đã được .... thẩm định.

Hình thức thuê đất: trả tiền thuê đất hàng năm.

Giá cho thuê đất: được cơ quan có thẩm quyền xác định theo quy định của pháp luật hiện hành.

Những hạn chế về quyền của tổ chức, cá nhân sử dụng đất: không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê quyền sử dụng đất, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

**Điều 2.** Giao ………………………………………………có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa.

2. Thông báo cho tổ chức, cá nhân thuê đất về việc phối hợp làm việc với cơ quan có thẩm quyền xác định giá thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành và ký hợp đồng thuê đất sau khi xác định được giá thuê đất.

3. Chỉnh lý bản đồ địa chính cảng hàng không, sân bay ……………… và chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ quản lý đất tại cảng hàng không, sân bay …..

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông/bà Trưởng phòng …… và tổ chức, cá nhân được thuê đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **GIÁM ĐỐC***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 04**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------------**

**BIÊN BẢN GIAO ĐẤT TRÊN THỰC ĐỊA**

Thực hiện Quyết định số …………………… ngày.... tháng.... năm.... của Cảng vụ hàng không miền…………… về việc giao đất/thuê đất, hôm nay ngày .... tháng.... năm ………, tại …………, thành phần gồm:

**I. Bên giao đất/cho thuê đất - Đại diện Cảng vụ hàng không miền …:**

...........................................................................................................................

**II. Bên được nhận đất trên thực địa:**

...........................................................................................................................

**III. Các bên tiến hành giao đất, cụ thể như sau:**

1. Giao nhận thửa đất số ……. tờ bản đồ số …………. tại ……………. cho *(tên tổ chức/cá nhân sử dụng đất)* để sử dụng vào mục đích …………..

2. Giao nhận đất theo các mốc giới, ranh giới thửa đất, diện tích…..m2 trên thực địa xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số...., tỷ lệ... do ……………… lập ngày ...tháng...năm....và đã được ... thẩm định, gồm: ................................................................................................................................... ;

3. Biên bản lập hồi.... giờ... phút cùng ngày, đã đọc cho các bên tham dự cùng nghe, nhất trí thông qua ký tên dưới đây.

Biên bản này lập thành ... bản có giá trị như nhau, gửi …………………/.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN GIAO ĐẤT***(ký, ghi họ tên, đóng dấu)* | **BÊN NHẬN ĐẤT***(ký, ghi họ tên, đóng dấu - nếu có)* |

**Mẫu số 05**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------------------**

*…….., ngày..... tháng ….. năm ....*

**HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số ……./2019/NĐ-CP ngày…..tháng……năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Quyết định số …………… ngày...tháng ...năm...của Cảng vụ hàng không miền ………… về việc cho thuê đất ………….

Căn cứ văn bản số …….. ngày ... tháng ... năm.... của *....(ghi rõ cơ quan ban hành đơn giá thuê đất)* về việc xác định đơn giá cho thuê đất;

Căn cứ biên bản giao đất trên thực địa ........................................................;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ... tại ………………………, chúng tôi gồm:

**I. Bên cho thuê đất:**

.......................................................................................................................

**II. Bên thuê đất là:**

.......................................................................................................................

*(Đối với cá nhân thì ghi tên cá nhân, địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, số chứng minh nhân dân, tài khoản (nếu có); đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, họ tên và chức vụ người đại diện, số tài khoản.....).*

**III. Hai Bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:**

**Điều 1.** Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất... m2 *(ghi rõ bằng số và bằng chữ, đơn vị là mét vuông)*

Tại ... *(ghi tên cảng hàng không/sân bay, xã/phường/thị trấn; huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi có đất cho thuê).*

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số ….., tỷ lệ ……… do ………. lập ngày ... tháng ... năm... đã được ... thẩm định.

3. Thời hạn thuê đất... *(ghi rõ số năm hoặc số tháng thuê đất bằng số và bằng chữ phù hợp với thời hạn thuê đất)*, kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

4. Mục đích sử dụng đất thuê: .................................................

**Điều 2.** Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất là ... đồng/m2/năm, *(ghi bằng số và bằng chữ)*.

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày ... tháng ... năm ...............................

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: ........................................................

4. Nơi nộp tiền thuê đất: ......................................................................

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

**Điều 3.** Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này

**Điều 4.** Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp Bên thuê đất bị thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai và Thông tư này.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ được tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại theo Hợp đồng này nếu có nhu cầu, tuy nhiên phải thực hiện lại trình tự thủ tục đề nghị thuê đất theo quy định để xác định lại đối tượng thuê đất.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do quy hoạch cảng hàng không, sân bay có sự thay đổi và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bên thuê đất hoàn trả lại đất cho Cảng vụ hàng không và phối hợp với Cảng vụ hàng không, các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện phương án giải phóng mặt bằng tài sản trên đất theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 01 tháng. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các Bên (nếu có) 1

.......................................................................................................................

**Điều 5.** Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định, của pháp luật về đất đai.

**Điều 6.** Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 7.** Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Cam kết khác (nếu có) 2

.......................................................................................................................

**Điều 8.** Hợp đồng này được lập thành 08 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 03 bản và gửi đến cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày. /.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN THUÊ ĐẤT***(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu (nếu có)* | **BÊN CHO THUÊ ĐẤT***(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*1 Phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan*

*2 Phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan*

**Mẫu số 06**

|  |  |
| --- | --- |
| CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN…****----------**Số: ………/QĐ-CVM... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------***………, ngày …. tháng …. năm …..* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc …………………………………………..**

**GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN....**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số ……./2019/NĐ-CP ngày…..tháng……năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-CVM....ngày....tháng....năm của Cảng vụ hàng không miền ……….. về việc cho …….. *(ghi tên tổ chức, cá nhân được cho thuê đất)* thuê đất;

Xét đề nghị của ………*(ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn cho thuê đất)*

Xét đề nghị của Phòng ………,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho ... *(ghi tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân được gia hạn thuê đất)* được tiếp tục thuê ....m2 đất tại cảng hàng không/sân bay..., xã/phường/thị trấn ………, huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh..., tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương ... để sử dụng vào mục đích....

Thời hạn thuê đất là ………, kể từ ngày... tháng ... năm ...đến ngày... tháng ... năm...

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số ……, tỷ lệ ... do lập ngày ... tháng ... năm ... và đã được Cảng vụ hàng không miền ….. chấp thuận tại Quyết định cho thuê đất số ……

Hình thức thuê đất: trả tiền thuê đất hàng năm.

Giá cho thuê đất: được cơ quan có thẩm quyền xác định theo quy định của pháp luật hiện hành.

Những hạn chế về quyền của tổ chức, cá nhân sử dụng đất: không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê quyền sử dụng đất, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

**Điều 2.** Giao ………………………………………………….. có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân được gia hạn thuê đất về việc phối hợp làm việc với cơ quan có thẩm quyền xác định giá thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành và ký hợp đồng thuê đất sau khi xác định được giá thuê đất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông/bà Trưởng phòng ……………… và tổ chức, cá nhân được gia hạn thuê đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **GIÁM ĐỐC***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 7**

|  |  |
| --- | --- |
| CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN…****----------**Số: ………/QĐ-CVM... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------***………, ngày …. tháng …. năm …..* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi đất1 ……………………..**

**CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN ...**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số ……./2019/NĐ-CP ngày…..tháng……năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Xét đề nghị của Phòng ……………. tại Tờ trình số ………. ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi ... m2 đất của ... (ghi tên tổ chức/cá nhân có đất bị thu hồi), thuộc thửa đất số ... (một phần hoặc toàn bộ thửa đất), thuộc tờ bản đồ số ... tại Cảng hàng không/sân bay …………….., xã/phường/thị trấn ……………, huyện/thành phố thuộc tỉnh …………, tỉnh/thành phố ………….

Lý do thu hồi đất: …………….2

**Điều 2.** Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Văn phòng/Phòng.... có trách nhiệm giao quyết định này cho tổ chức/cá nhân ...3

2. Văn phòng Cảng vụ hàng không miền .... có trách nhiệm đăng Quyết định này trên trang thông tin điện tử của Cảng vụ hàng không miền .... .

**Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ….. tháng …… năm ……….

2. Tổ chức/cá nhân bị thu hồi đất có tên tại Điều 2 nêu trên và các ông/bà Chánh Văn phòng, Trưởng phòng ……… chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **GIÁM ĐỐC***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*1 Ghi rõ mục đích thu hồi đất.... (theo Điều 64, 65 của Luật Đất đai)*

*2 Ghi rõ lý do thu hồi đất như (1)*

*3 Trường hợp tổ chức/cá nhân ... không nhận quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết quyết định này tại trụ sở Cảng vụ hàng không miền....*

**Mẫu số 08**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP----------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số: …………..V/v đề nghị cấp .... | *………, ngày …. tháng …. năm …..* |

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ …………………

Căn cứ …………………

Công ty ………………… đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký/giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay tại cảng hàng không (sân bay) …………..

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị1: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **GIÁM ĐỐC***(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*1 Ghi chú:*

- Đối với đề nghị giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng ký tạm thời: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

**Mẫu số 09**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM****----------**Số:            /GCNĐK-CHK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| **GIẤY CHỨNG NHẬN****ĐĂNG KÝ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**Cấp lần thứ: ……………………. |
| **TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**............................................... ...............................................  | **TOẠ ĐỘ**□ Vĩ độ□ Kinh độ | **THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ**□ Đang xây dựng□ Đã hoàn thành xây dựng |
| **TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI ĐĂNG KÝ:**.............................................................................................................................................  |
| **MỤC ĐÍCH KHAI THÁC:**.............................................................................................................................................  |
| **NĂNG LỰC KHAI THÁC:**............................................................................................................................................. **CẤP SÂN BAY:**..............................................................................................................  |
| **GHI CHÚ:**.............................................................................................................................................  |
| Ngày, tháng, năm đăng ký vào Sổ:.........../………./………….Ngày, tháng, năm cấp:.........../………./…………. | **CỤC TRƯỞNG** |
|   |   |   |   |

**Mẫu số 10**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP----------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số: …………..V/v đề nghị cấp .... | *………, ngày …. tháng …. năm …..* |

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ …………………

Căn cứ …………………

Công ty ………………… đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay tại cảng hàng không (sân bay) …………..

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị1: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **GIÁM ĐỐC***(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*1 Ghi chú:*

- Đối với đề nghị giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

**Mẫu số 11**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM****----------**Số:            /GCNKT-CHK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| **GIẤY CHỨNG NHẬN****KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**Cấp lần thứ: ……………………. |
| **TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**...............................................  | **TỌA ĐỘ** |
| Vĩ độ …….. | Kinh độ ……. |
| **TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY:**..................................................................................................................................................  |
| **MỤC ĐÍCH KHAI THÁC:**.................................................................................................................................................. |
| **NĂNG LỰC KHAI THÁC:** .................................................................................………….**CẤP SÂN BAY:**......................................................................................................................  |
| **GHI CHÚ:**.............................................................................................................................................  |
| Ngày, tháng, năm cấp:.........../………./………….Ngày, tháng, năm hết hiệu lực:.........../………./…………. | **CỤC TRƯỞNG** |
|   |   |   |   |

 **Mẫu số 12**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ……………V/v đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không | *…..., ngày ……… tháng ………. năm ……*  |

**TỜ KHAI CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ ……………………………………………………………………

Căn cứ ……………………………………………………………………

Công ty ……………….. đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không với các nội dung chi tiết như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân (hoặc thẻ căn cước), nơi cấp, ngày cấp).

7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

8. Nội dung đề nghị: đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- …………….- ……………. | **GIÁM ĐỐC***(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 13**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ………/GPKDCHK-CHK |  |
| **GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG**Cấp lần ……………………… |
| **TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG:**……………………………...........................................................................................……………………………...........................................................................................**SỐ, NGÀY CẤP, NƠI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG**…………………….......................................................................................................……………………………........................................................................................... |
| **GHI CHÚ:**………………………………………………………………………………………………………………….......................................................................................... |

**Mẫu số 14**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN**Số:……. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***……., ngày……tháng……năm…..*  |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp/Cấp lại/Bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển,**

**vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động**

**tại khu vực hạn chế của CHK, SB**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

1. Tên đầy đủ của tổ chức: theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế:…………………………………….

2. Địa chỉ trụ sở chính: …………………..………………………………

3. Thông tin người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:……………………………. Chức vụ:…………………………

4. Thông tin liên hệ: (tên người có trách nhiệm, điện thoại, địa chỉ email)

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại/bổ sung năng định Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay cho (số lượng:...) nhân viên của Công ty *(có danh sách và hồ sơ nhân viên kèm theo).*

 **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

 *(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 15**

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Socialist Republic of VietNam****CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM****Civil Aviation Authority of VietNam****GIẤY PHÉP****ĐIỀU KHIỂN, VẬN HÀNH THIẾT BỊ HÀNG KHÔNG, PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG TẠI KHU VỰC HẠN CHẾ CỦA CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY****G.S.E OPERATION LICENCE****Số giấy phép:…………../CHK-GPMĐ…***Licence No***Ngày cấp:……/…../…….***Date of issue***Ngày hết hạn:……/…../……***Expiry Date* |

|  |  |
| --- | --- |
| Ảnh 3\*4**Họ và tên:**………………………………………………..*Full Name***Ngày sinh:** ……………………………………………….*Date of Bỉth***Giới tính:** ………………………………………………..*Sex* **Quốc tịch: Việt Nam***Nationality***Cơ quan công tác:** ………………………………………*Organizatinon***Phạm vi hoạt động: Cảng hàng không sân bay tại Việt Nam***Scope of works* | **Chữ ký của người được cấp phép***Signature of holder* |
| **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**Civil Aviation Authority of VietNam |

|  |
| --- |
| **Chuyên môn được phê chuẩn***Approved rating* |
| **Ngày cấp****of issue** | **Nghiệp vụ****Function** |
| **…./…./….** |  |
|  |
|  |
|  |
| **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**Civil Aviation Authority of VietNam |
| **Số Giấy phép:…………./CHK-GPMĐ….***Licence No* |

**Mẫu số 16**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM----------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc****---------------** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT**

**Số:………**

Căn cứ quy định tại Nghị định số ……./2019/NĐ-CP ngày …… của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, Cục Hàng không Việt Nam chứng nhận sản phẩm dưới đây sản xuất tại Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện kỹ thuật đưa vào khai thác tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam.

|  |  |
| --- | --- |
| Tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận |   |
| Nhà sản xuất |   |
| Sản phẩm |   |
| Mã hiệu sản phẩm |   |
| Bộ hồ sơ sản phẩm gồm có:Hồ sơ thiết kếHồ sơ kiểm tra thử nghiệmHướng dẫn lắp đặt, khai thác, bảo dưỡngĐặc tính kỹ thuật chi tiết |   |
| Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng |   |
| Ngày ban hành |   |

Giấy chứng nhận này không có giá trị đối với các sản phẩm:

- Được sản xuất khác với hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

- Không đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **CỤC TRƯỞNG** |